

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đăng Khoa; Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng Đ, sinh năm 1984; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Tống Thị T, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Hoàng Đ trình bày: Qua mai mối, anh và chị Tống Thị T tiến đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, không tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 05/02/2009; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 27/12/2015. Khi ly hôn anh Đ đồng ý để chị T được quyền nuôi dưỡng hai con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Chị Tổng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh Đ, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Hoàng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Chị Tổng Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị T; Về con chung chị T được quyền tiếp tục nuôi hai con chung, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh Đ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Hoàng Đ khởi kiện xin ly hôn chị Tổng Thị T có nơi cư trú ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 và điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị Tổng Thị T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Tổng Thị T và anh Trần Hoàng Đ tiến đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh Đ và chị T sống chung từ năm 2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, không tin tưởng nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Anh Đ đã từng khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T vào năm 2019 và tại bản án số 362/2019/HNGĐ-ST ngày 01/11/2019, của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công đã quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh. Nay anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn,

sau khoản thời gian hơn một năm. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh Đ đối với chị T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Xét thấy hôn nhân của anh Đ và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh Đ xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Đ có hai người con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 05/02/2009; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 27/12/2015.

Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay con chung đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm, con chung sẽ gắn bó với mẹ nhiều hơn. Tại bản tự khai ngày 01/12/2020, thì cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị T vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Tuy nhiên, anh Đ đồng ý để chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Nhận thấy, đây là đề nghị tự nguyện của đương sự, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị T là người trực tiếp nuôi con, nhưng vắng mặt không có ý kiến về việc cấp dưỡng, nên anh Đ chưa thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh Đ vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Trần Hoàng Đ phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 192; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ được ly hôn với chị Tống Thị T.

- Về quan hệ con chung: Chị Tống Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung tên Trần Hoàng P, sinh ngày 05/02/2009; Trần Thị Cẩm N, sinh ngày 27/12/2015. Anh Trần Hoàng Đ chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Hoàng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0019132 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, anh Đ đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu án án, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Công Triều